

Số: 11/2025/QĐST-DS

Đông Triều, ngày 14 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 130/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024;

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành lập ngày 06/3/2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

\* Nguyên đơn:

1. Ngân hàng TMCP V (V1), địa chỉ số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật ông Ngô Chí D chủ tịch HĐQT V1; người đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Hoàng L, giám đốc thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý; người nhận ủy quyền lại ông Nguyễn Mạnh H, địa chỉ tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội theo văn bản ủy quyền số 1411A/2024/UQ-VPBANK, ngày 14/11/2024.

2. Công ty cổ phần M1, địa chỉ tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật ông Bùi Công T, giám đốc Công ty cổ phần M1; người đại diện theo ủy quyền ông Cao Duy T1, trưởng phòng xử lý nợ miền bắc, theo văn bản ủy quyền số 02/2024/UQ-GĐ, ngày 19/4/2024; người được ủy quyền lại ông Dương Kim C, chuyên viên xử lý nợ, theo văn bản ủy quyền số 3094/2024/UQ-Mars, ngày 05/12/2024.

\* Bị đơn anh Lã Xuân C1 sinh năm 1978 và chị Ngô Thị Lan A sinh năm 1982, cùng nơi thường trú tổ D, khu V, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

A. Các đương sự thỏa thuận thống nhất chấm dứt hợp đồng cho vay số LN2310190612266 ngày 15/11/2023; hợp đồng cho vay số LN2310190611143 ngày 15/11/2023; giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 13/11/2023 (379-P-9944415).

B. Về số tiền còn nợ và phương án trả nợ:

1. Đối với hợp đồng cho vay số LN2310190612266 ngày 15/11/2023, giấy đề nghị giải ngân ngày 15/11/2023.

1.1/ Về số tiền nợ: tính đến ngày 06/3/2025 anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A còn nợ ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 tổng số tiền là 191.618.812<sup>d</sup> (một trăm chín một triệu, sáu trăm mười tám nghìn, tám trăm mười hai đồng); trong đó nợ gốc là 173.000.000<sup>d</sup> (một trăm bảy ba triệu đồng); lãi trong hạn 1.481.608<sup>d</sup> (một triệu, bốn trăm tám một nghìn, sáu trăm linh tám đồng); lãi quá hạn 16.172.893<sup>d</sup> (mười sáu triệu, một trăm bảy hai nghìn, tám trăm chín mươi ba đồng); phạt chậm trả lãi 964.311<sup>d</sup> (chín trăm sáu tư nghìn, ba trăm mười một đồng).

1.2/ Về phương án trả nợ:

\* Chậm nhất ngày 06/05/2025 anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A phải trả ngân hàng TMCP V số tiền là 19.161.881<sup>d</sup> (mười chín triệu, một trăm sáu một nghìn, tám trăm tám mươi một đồng), số tiền trên đã bao gồm 10% nợ gốc và 10% các khoản lãi tính đến ngày 06/3/2025 và toàn bộ các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 07/3/2025 đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số LN2310190612266 ngày 15/11/2023, giấy đề nghị giải ngân ngày 15/11/2023 cho đến khi anh C1 và chị Lan A trả hết nợ.

\* Chậm nhất ngày 06/05/2025 anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A phải trả Công ty cổ phần M2 số tiền là 172.456.931<sup>d</sup> (một trăm bảy hai triệu, bốn trăm năm sáu nghìn, chín trăm ba mươi một đồng), số tiền trên đã bao gồm 90% nợ gốc và 90% các khoản lãi tính đến ngày 06/3/2025 và toàn bộ các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 07/3/2025 đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số LN2310190612266 ngày 15/11/2023, giấy đề nghị giải ngân ngày 15/11/2023 cho đến khi anh C1 và chị Lan A trả hết nợ.

1.3/ Trường hợp anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng TMCP V, công ty cổ phần M2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 36, tờ bản số 49, địa chỉ khu H, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB294054, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH29470 do UBND thị xã Đ cấp ngày 02/11/2022 cho ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C2, ngày 14/02/2023 ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C2 chuyển nhượng cho anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A theo hồ sơ số 74CN.

1.4/ Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng TMCP V, công ty cổ phần M2 thì anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng TMCP V, công ty cổ phần M2.

2. Đối với hợp đồng cho vay số LN2310190611143 ngày 15/11/2023, khế ước nhận nợ ngày 16/11/2023.

2.1/ Về số tiền nợ: tính đến ngày 06/3/2025 anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M1 tổng số tiền là 796.857.866<sup>d</sup> (bảy trăm chín sáu triệu, tám trăm năm bảy nghìn, tám trăm sáu mươi sáu đồng); trong đó nợ gốc là 695.000.000<sup>d</sup> (sáu trăm chín lăm triệu đồng); lãi trong hạn 5.623.529<sup>d</sup> (năm triệu, sáu trăm hai ba nghìn, năm trăm hai mươi chín

đồng); lãi quá hạn 91.105.349<sup>d</sup> (chín một triệu, một trăm linh năm nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng); phạt chậm trả lãi 5.128.987<sup>d</sup> (năm triệu, một trăm hai tám nghìn, chín trăm tám mươi bảy đồng).

#### 2.2/ Về phương án trả nợ:

\* Chậm nhất ngày 06/05/2025 anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A phải trả ngân hàng TMCP V số tiền là 79.685.787<sup>d</sup> (bảy chín triệu, sáu trăm tám lăm nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng), số tiền trên đã bao gồm 10% nợ gốc và 10% các khoản lãi tính đến ngày 06/3/2025 và toàn bộ các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 07/3/2025 đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số LN2310190611143 ngày 15/11/2023, khế ước nhận nợ ngày 16/11/2023 cho đến khi anh C1 và chị Lan A trả hết nợ.

\* Chậm nhất ngày 06/05/2025 anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A phải trả Công ty cổ phần M2 số tiền là 717.172.079<sup>d</sup> (bảy trăm mười bảy triệu, một trăm bảy hai nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng), số tiền trên đã bao gồm 90% nợ gốc và 90% các khoản lãi tính đến ngày 06/3/2025 và toàn bộ các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 07/3/2025 đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số LN2310190611143 ngày 15/11/2023, khế ước nhận nợ ngày 16/11/2023 cho đến khi anh C1 và chị Lan A trả hết nợ.

2.3/ Trường hợp anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng TMCP V, công ty cổ phần M2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 36, tờ bản số 49, địa chỉ khu H, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB294054, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH29470 do UBND thị xã Đ cấp ngày 02/11/2022 cho ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C2, ngày 14/02/2023 ông Nguyễn Văn M và bà Lê Thị C2 chuyển nhượng cho anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A theo hồ sơ số 74CN.

2.4/ Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng TMCP V, công ty cổ phần M2 thì anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng TMCP V, công ty cổ phần M2.

3. Đối với giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 13/11/2023 (379-P-9944415).

3.1/ Về số tiền nợ: anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A còn nợ Công ty cổ phần M1 số tiền tính đến ngày 06/3/2025 số tiền là 48.560.188<sup>d</sup> (bốn tám triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, một trăm tám mươi tám đồng); trong đó nợ gốc 31.369.297<sup>d</sup> (ba một triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng); nợ lãi 17.190.891<sup>d</sup> (mười bảy triệu, một trăm chín mươi nghìn, tám trăm chín một đồng).

3.2/ Về phương án trả nợ: chậm nhất ngày 06/5/2025 anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A phải trả công ty cổ phần M1 số tiền là 48.560.188<sup>d</sup> (bốn tám triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, một trăm tám mươi tám đồng) và toàn bộ các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 07/3/2025 đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ,

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 13/11/2023 (379-P-9944415) cho đến khi anh C1 và chị Lan A trả hết nợ.

4. Về chi phí tố tụng: công ty cổ phần M1 chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000<sup>d</sup> (bảy triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 10.000.000<sup>d</sup> (mười triệu đồng) công ty cổ phần M1 đã nộp theo biên bản giao nhận ngày 17/02/2025 giữa công ty cổ phần M1 với Tòa án nhân dân thành phố Đông Triều; trả lại công ty cổ phần M1 3.000.000<sup>d</sup> (ba triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ còn thừa theo biên bản giao nhận ngày 25/02/2025 giữa công ty cổ phần M1 với Tòa án nhân dân thành phố Đông Triều; công ty cổ phần M1 đã nhận lại đủ số tiền trên.

5. Về án phí:

5.1/ Anh Lã Xuân C1 và chị Ngô Thị Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 21.555.553<sup>d</sup> (hai một triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi ba đồng).

5.2/ Trả lại công ty cổ phần M1 số tiền 19.503.000<sup>d</sup> (mười chín triệu, năm trăm linh ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003747, ngày 06/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

5.3/ Trả lại ngân hàng TMCP V số tiền 2.509.000<sup>d</sup> (hai triệu, năm trăm linh chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003748, ngày 06/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát thành phố Đông Triều;
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đông Triều;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường